TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST Ngày 25/7/2025. V/v: "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành và ông Nguyễn Việt T.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên toà***: Ông Trần Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 13/2025/TB-TA ngày 10/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm T, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Chu Thanh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu Xóm C, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Anh T vắng mặt lần 2 không có lí do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày: Chị và anh Chu Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/7/2011 tại UBND xã Đ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hại vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã, vợ chồng sống không hạnh phúc từ năm 2013 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cũng đã khuyên ngăn nhưng hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần San Anh T sinh ngày 14/01/2025. Hiện nay, cháu Trần San Anh T đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết.

2. Phía bị đơn anh Chu Thanh T: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ) đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo anh T đến làm việc nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt, do vậy hồ sơ không thể hiện quan điểm của anh T.

3. Tại biên bản ghi lời trình bày của bà Chu Thị Kim D (bá ruột Chu Thanh anh T), bà D cho biết như sau: Bà là bá ruột của anh T, do ông Chu Đình và mẹ dì là bà Vi Thị Lan A vắng nhà nên mọi giấy tờ tài liệu của Tòa án gửi về cho anh T thì bà là người nhận thay và cam kết thông báo lại cho anh T. Bà Dung cung cấp: Chị Trần Thị P và anh Chu Thanh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống của chị P và anh T, có xảy ra mâu thuẫn như thế nào bà không biết, bà chỉ biết vợ chồng chị P và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2013, không chung sống với nhau nữa, không còn liên lạc hay quan tâm đến nhau. Hiện nay anh T đi làm thuê nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể. Anh T đã biết chị P xin ly hôn anh T. Còn việc anh T có về Tòa án để giải quyết hay không bà không được biết. Về quan hệ hôn nhân bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị P và anh T đã sống ly thân từ lâu rồi nên có con chung hay không bà không rõ. Việc chị P trình bày có 01 con chung với anh T là Trần San Anh T sinh ngày 14/01/2025 là do chị P cung cấp cho Tòa án, hiện nay đang ở cùng với chị P. Nếu chị P và anh T ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn anh Chu Thanh T.

Về con chung: Giao con chung Trần San Anh T sinh ngày 14/01/2025 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Chu Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P tự nguyện không yêu cầu. Anh Chu Thanh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Chu Thanh T có hộ khẩu thường trú tại khu xóm C, xã Đ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cũ (Nay là khu xóm C, xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cũ nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị P có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh T vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Chu Thanh T kết hôn ngày 11/7/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ). Hôn nhân giữa chị P và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của chị P, bà D là bá ruột anh T và việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị P - anh T tại UBND xã Đ thì xác định được Hôn nhân của chị P và anh T không hoà thuận hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013 và hiện đang sống ly thân, không liên lạc, không quan tâm đến nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến xảy ra tranh cãi, bất hoà. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T đến Toà án làm việc, để anh T trình bày quan điểm ý kiến cũng như hòa giải quan hệ hôn nhân nhưng anh T đều vắng mặt, mặc dù anh T đã biết Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị P với anh nhưng anh T không đến Tòa án để làm viêc. Điều đó, thể hiện anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy cần xử cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian tồn tại quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T thì vợ chồng có 01 con chung là Trần San Anh T sinh ngày 14/01/2025. Mặc dù chị P và anh T đã sống ly thân, không còn cùng nhau, tuy nhiên theo giấy khai sinh do chị P cung cấp thì cháu Trần San Anh T sinh ngày 14/01/2025 được sinh ra trong thời gian quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T vẫn tồn tại nên cháu T là con chung của chị P và anh T. Hiện nay đang ở cùng chị P, lại đang còn nhỏ, do vậy, để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc chăm nom, nuôi dưỡng, sự phát triển về mọi mặt của con chung cần giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Chu Thanh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị P tự nguyện không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Chu Thanh T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần San Anh T sinh ngày 14/01/2025, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Chu Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P tự nguyện không yêu cầu.

Anh Chu Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Trần Thị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005053 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê (Nay là Phòng thi hành án dân sư khu vực 6 – Phú Thọ). Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Các đương sự
- UBND xã Đ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Việt Dũng

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 6 năm 2025.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức San và ông Nguyễn Văn Tuyến.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hường, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Kim Ninh, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Trần Văn Thắm, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu Thượng, xã Phong Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.Hiện đang chấp hành án tại: Đội 7, Phân trại số 3, Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Hường và anh Trần Văn Thắm.

- Về con chung: Giao cả 02 con chung chưa thành niên là 02 con chung là Trần Thị Ngọc Lan, sinh ngày 25/11/2009 và Trần Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 13/5/2016 cho chị Lê Thị Hường trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn Thắm không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị Hường tự nguyện không yêu cầu. Anh Trần Văn Thắm được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Hường, anh Thắm không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

Về án phí: Chị Lê Thị Hường tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hường đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005152 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Hường 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 13 tháng 6 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Dũng